

Số: 709/QĐ-CĐKTKT-CTHSSV

Thái Nguyên, ngày 9 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập các lớp K44 Văn hóa khóa học 2020 - 2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT

Căn cứ Quyết định số 4507/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/08/2005 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc thành lập Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2424/QĐ-ĐHTN ngày 22/10/2015 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Thái Nguyên, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 1308/2019/VBHN-BLĐTBXH ngày 05/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường Cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 17/2017/TT-BLĐTBXH ngày 30/06/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành quy chế công tác học sinh, sinh viên trong trường Trung cấp, trường Cao đẳng;

Căn cứ Kế hoạch năm học 2020 - 2021 của Nhà trường;

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng Công tác HSSV,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập các lớp K44 Văn hóa khóa học 2020 - 2023 phối hợp đào tạo với Trung tâm GDNN-GDTX thành phố Thái Nguyên gồm 164 học sinh (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Giao cho khoa Khoa học Cơ bản quản lý 03 lớp gồm: lớp K44VH-A1 <56HS>, lớp K44VH-A2 <54HS>, lớp K44VH-A3 <54HS>.

Điều 3. Các Ông (bà) Trưởng phòng Công tác HSSV, Trưởng phòng ĐT-QLKH&HTQT, phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng khoa Khoa học Cơ bản, các đơn vị có liên quan, Giáo viên chủ nhiệm, Giám đốc Trung tâm GDNN-GDTX thành phố Thái Nguyên và học sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (thực hiện);
- Ban Giám hiệu (báo cáo);
- TT GDNN-GDTX TPTN (ph/hợp);
- P.TH (đưa Website);
- Lưu: VT, P.CTHSSV.



TS. Ngô Xuân Hoàng

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CĐ KINH TẾ - KỸ THUẬT

DANH SÁCH HỌC SINH VĂN HÓA K44 (KHÓA 2020 - 2023)

(Kèm theo Quyết định số *109*/QĐ-CDKTKT-CTHSSV Ngày *09* tháng *10* năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật)

LỚP: K44-VHA1

TT	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	GT	Ghi chú
1	PHẠM TIẾN AN	23/08/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
2	BÙI KỲ ANH	13/11/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
3	HỒ NAM ANH	20/05/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
4	PHẠM VIỆT ANH	29/04/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
5	NGUYỄN NGỌC ÁNH	18/11/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nữ	
6	NGUYỄN QUỐC GIA BẢO	12/11/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
7	TRƯƠNG VĂN CAO	28/4/2005	Thái Nguyên	Tày	Nam	
8	NGUYỄN QUỐC DUY	16/02/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
9	TRẦN THÁI DƯƠNG	17/04/2005	Thái Nguyên	Cao Lan	Nam	
10	LƯƠNG VĂN ĐẠI	13/10/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
11	NGUYỄN HOÀNG VĂN ĐẠT	09/09/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
12	LÝ VĂN ĐIỆP	18/08/2005	Thái Nguyên	Sán diu	Nam	
13	LÝ BẢO ĐOAN	12/07/2005	Thái Nguyên	Sán diu	Nam	
14	TRỊNH BÁ ĐỨC	29/11/2005	Thái nguyên	Kinh	Nam	
15	NGUYỄN MINH ĐỨC	19/12/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
16	NGUYỄN SỸ GIANG	17/05/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
17	ĐẶNG TRƯỜNG GIANG	08/09/2005	Thái Nguyên	Sán diu	Nam	
18	NGUYỄN ĐỨC HIẾU	05/12/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
19	TRẦN MINH HIẾU	19/01/2005	Thái Nguyên	Sán Chí	Nam	
20	MẠC VĂN HIẾU	17/05/2005	Thái Nguyên	Sán diu	Nam	
21	NGUYỄN VĂN HOAN	27/07/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nam	

22	DƯƠNG TIẾN HOÀN	13/09/2004	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
23	NÔNG VĂN HOÀN	27/08/2005	Cao Bằng	Tày	Nam	
24	NGUYỄN TUẤN HOÀNG	18/10/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
25	DOÃN THỊ MINH HUYỀN	20/02/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nữ	
26	DƯƠNG TIẾN HÙNG	10/10/2005	Thái Nguyên	Dao	Nam	
27	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	14/05/2004	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
28	BÙI BẢO KIẾT	21/07/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
29	TRẦN ĐỨC LƯƠNG	25/03/2004	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
30	LÊ CÔNG LÝ	14/07/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
31	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	27/05/2005	Tuyên Quang	Kinh	Nam	
32	DƯƠNG VĂN MẠNH	12/07/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
33	HOÀNG VĂN NAM	03/06/2005	Thái Nguyên	Sán đù	Nam	
34	NGUYỄN ĐỨC HOÀI NAM	11/11/2004	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
35	NGUYỄN MINH NGỌC	30/12/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nữ	
36	VŨ THÀNH NGỌC	08/02/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
37	TRƯƠNG QUẢNG NHÂM	03/07/2005	Thái Nguyên	Sán đù	Nam	
38	NGUYỄN THẾ PHONG	08/06/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
39	LƯƠNG MẠNH QUANG	16/01/2005	Thái Nguyên	Nùng	Nam	
40	TRẦN VĂN QUÂN	07/12/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
41	LINH QUANG SA	03/12/2005	Thái Nguyên	Nùng	Nam	
42	HOÀNG VĂN SÂM	26/06/2005	Bắc Kạn	Nùng	Nam	
43	LÊ THÁI SƠN	16/05/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
44	HÀ HUY THANH	01/12/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
45	LÊ ĐỨC THẮNG	31/08/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
46	TẠC QUANG THẮNG	17/12/2005	Thái Nguyên	Cao Lan	Nam	
47	ĐÌNH QUANG THIÊM	17/09/2005	Bắc Kạn	Tày	Nam	
48	PHẠM ANH THU	21/06/2005	Thái Nguyên	Sán đù	Nam	

49	TRỊNH QUANG TOÀN	19/03/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
50	DƯƠNG ĐỨC TOÀN	10/09/2005	Thái nguyên	Kinh	Nam	
51	LƯU XUÂN TRƯỜNG	09/07/2005	Thái Nguyên	Tày	Nam	
52	NGUYỄN MINH TUÂN	10/05/2005	Thái Nguyên	Sán diu	Nam	
53	CHU THANH TÙNG	18/11/2005	Thái Nguyên	Tày	Nam	
54	HOÀNG ANH TUYẾN	27/02/2004	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
55	ĐỖ VĂN KHIÊM	28/02/2003	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
56	LÃNG THỊ XUÂN	30/11/2005	Thái Nguyên	Sán diu	Nữ	

Ấn định danh sách: 56 HS

TRƯỞNG PHÒNG CTHSSV



Ths. Trần Minh Trường

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Phương Thảo

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CĐ KINH TẾ - KỸ THUẬT

DANH SÁCH HỌC SINH VĂN HÓA K44 (KHÓA 2020 - 2023)

(Kèm theo Quyết định số 709/QĐ-CDKTKT-CTHSSV Ngày 9 tháng 10 năm 2020

của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật)

LỚP: K44-VHA2

TT	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	GT	Ghi chú
1	LÊ DUY ANH	23/08/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nữ	
2	LÊ DUY ANH	11/11/2004	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
3	TRIỆU VĂN CHIẾN	06/01/2005	Thái Nguyên	Sán diu	Nam	
4	DƯƠNG DOÃN CHÍNH	18/11/2005	Lạng Sơn	Tày	Nam	
5	NGUYỄN TRỌNG CƯỜNG	24/04/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
6	LÊ NAM CƯỜNG	13/08/2005	Bình Dương	Kinh	Nam	
7	NGUYỄN ĐÌNH DỤC	14/10/2005	Bắc Kạn	Tày	Nam	
8	BÀN VĂN DŨNG	25/03/2005	Thái Nguyên	Dao	Nam	
9	TRẦN THỊ ÁNH DƯƠNG	17/01/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nữ	
10	LÊ TÙNG DƯƠNG	31/01/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
11	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	06/09/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
12	ĐOÀN THỊ NGỌC HÀ	21/06/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nữ	
13	LƯU THỊ THU HẰNG	16/10/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nữ	
14	NGUYỄN ĐỨC HIỆP	26/07/2004	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
15	CHU MINH HIẾU	20/02/2005	Bắc Giang	Kinh	Nam	
16	NGUYỄN VĂN HOÀNG	04/08/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
17	VŨ NGỌC HUY	23/11/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
18	NGÔ QUANG HUY	26/08/2004	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
19	NGUYỄN QUANG HUY	12/04/2005	Thái Nguyên	Nùng	Nam	
20	TRẦN QUANG HUY	05/12/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
21	NGUYỄN THỊ HUYỀN	28/11/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nữ	
22	ĐỖ TRẦN HƯỜNG	11/07/2005	Thái Nguyên	Nùng	Nam	
23	BÙI THỊ QUỲNH LANH	13/12/2005	Thái Nguyên	kinh	Nữ	

24	TRẦN THỊ ÁNH LOAN	17/01/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nữ	
25	NGÔ NGỌC LÊ	10/07/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
26	HOÀNG THỊ LIỄU	22/08/2005	Thái Nguyên	Sán Dìu	Nữ	
27	HOÀNG KHÁNH LINH	16/10/2004	Thái Nguyên	Sán dìu	Nữ	
28	TRẦN NGUYỄN NHẬT LINH	13/06/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
29	CAO VĂN LUÂN	10/12/2005	Thái Nguyên	Sán Dìu	Nam	
30	ĐẶNG KHÁNH LY	11/06/2005	Lào Cai	Kinh	Nữ	
31	DIỆP THỊ MAI	07/06/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nữ	
32	HÀ NGỌC MINH	17/09/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
33	LÊ HUY MINH	18/10/2005	Thái Nguyên	Nùng	Nam	
34	BÀNG THỊ NGÀ	28/10/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nữ	
35	HOÀNG TRỌNG NGHĨA	04/03/2004	Lạng Sơn	Nùng	Nam	
36	NÔNG HOÀNG NGHIỆP	18/12/2005	Bắc Kạn	Tày	Nam	
37	HOÀNG THỊ HỒNG NGỌC	15/08/2005	Thái Nguyên	Nùng	Nữ	
38	ĐẶNG THỊ NGUYỆT	29/10/2005	Thái Nguyên	Sán dìu	Nữ	
39	ĐỖ NGỌC YẾN NHI	06/11/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nữ	
40	NÔNG HOÀNG NINH	26/08/2005	Bắc Kạn	Tày	Nam	
41	NGUYỄN VĂN QUÂN	02/12/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
42	HÀ MINH SƠN	17/10/2005	Bắc Kạn	Tày	Nam	
43	TẠ TRÙNG LINH SƠN	07/03/2005	Thái Nguyên	Nùng	Nam	
44	NGUYỄN NGỌC THẮNG	14/09/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
45	TRIỆU THỊ TRANG	26/03/2005	Thái Nguyên	Sán dìu	Nữ	
46	LÊ THANH TÙNG	06/07/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
47	BÙI QUANG VINH	31/05/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
48	ĐÀO VĂN VŨ	23/09/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
49	ĐỖ VĂN VŨ	18/10/2005	Thái Nguyên	Sán Chí	Nam	
50	TRẦN VĂN VŨ	18/04/2005	Thái Nguyên	Nùng	Nam	
51	PHÙNG THỊ YẾN	28/07/2005	Bắc Kạn	Tày	Nữ	
52	LÃ VĨNH TÙNG	05/11/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nam	

53	HOÀNG PHƯƠNG DUY	27/07/2004	Thái Nguyên	Nùng	Nam	
54	PHẠM THỊ BẢO YẾN	11/07/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nữ	

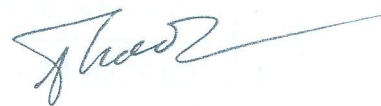
Ấn định danh sách: 54 HS

TRƯỞNG PHÒNG CTHSSV



Ths. Trần Minh Trường

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Phương Thảo

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CĐ KINH TẾ - KỸ THUẬT

DANH SÁCH HỌC SINH VĂN HÓA K44 (KHÓA 2020 - 2023)

(Kèm theo Quyết định số 709/QĐ-CDKTKT-CTHSSV Ngày 9 tháng 10 năm 2020

của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật)

LỚP: K44-VHA3

TT	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Dân tộc	Ghi chú
1	ĐOÀN DUY ANH	14/10/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
2	ĐINH THỊ LAN ANH	15/09/2005	Thái nguyên	Kinh	Nữ	
3	NGUYỄN TRƯỜNG CHINH	29/10/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
4	NGUYỄN QUANG CHÍNH	12/09/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
5	VŨ ĐÌNH CHUÔNG	31/3/2005	Bình Thuận	Kinh	Nam	
6	TRẦN VĂN CƯỜNG	26/10/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
7	NGUYỄN VĂN DUY	05/12/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
8	HOÀNG VĂN DƯƠNG	25/01/2004	Thái Nguyên	Nùng	Nam	
9	HOÀNG TIỀN ĐAN	05/12/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
10	NGUYỄN NGỌC ĐẠT	28/09/2005	Thái Bình	Kinh	Nam	
11	CHU VĂN ĐÌNH	16/08/2005	Hà Tây	nùng	Nam	
12	ĐỖ LÝ GIANG	23/01/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
13	NGUYỄN ĐỨC HẢI	10/01/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
14	HOÀNG THỊ HỒNG HẠNH	07/08/2005	Thái nguyên	Sán Chí	Nữ	
15	TRẦN THỊ HIỀN	31/10/2005	Thái nguyên	Kinh	Nữ	
16	LÊ NGỌC HIỆP	23/08/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nữ	
17	TỪ THÚY HOÀI	08/10/2005	Bắc Kạn	Sán Chí	Nữ	
18	LÝ QUANG HÙNG	16/07/2005	Thái Nguyên	Nùng	Nam	
19	ĐÀM QUANG HUY	22/09/2004	Cao Bằng	Kinh	Nam	
20	LÊ QUANG HUY	02/09/2002	Bình Định	Kinh	Nam	
21	TRẦN QUANG HUY	24/08/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
22	ĐINH TUẤN HÙNG	10/10/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
23	HOÀNG VĂN KHẢI	19/05/2005	Thái Nguyên	Tày	Nam	

24	LÊ NAM KHÁNH	28/11/2005	Thái nguyên	Kinh	Nam	
25	HOÀNG QUỐC KHÁNH	02/09/2005	Thái Nguyên	Nùng	Nam	
26	VŨ GIA KHIÊM	16/11/2005	Thái nguyên	kinh	Nam	
27	VÒONG VĂN KIÊN	05/09/2004	Thái Nguyên	Nùng	Nam	
28	LŨƠNG THỊ NGỌC LAN	27/09/2005	Bắc Kạn	Tày	Nữ	
29	PHẠM NGỌC LỆ	23/05/2005	Thái nguyên	Kinh	Nữ	
30	NGUYỄN SAO LINH	21/03/2005	Hà Tĩnh	Kinh	Nam	
31	VŨ THỊ LUYẾN	15/11/2005	Thái nguyên	Kinh	Nữ	
32	LÊ THỊ THANH MAI	12/01/2005	Thái nguyên	Kinh	Nữ	
33	TRẦN DUY MẠNH	05/02/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
34	CHU THỊ BÍCH NGỌC	08/07/2005	Thái nguyên	Tày	Nữ	
35	MAI THỊ THANH NHÃ	11/09/2005	Thái nguyên	Kinh	Nữ	
36	NGUYỄN HỒNG NHUNG	10/04/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
37	PHẠM HỒNG NHUNG	10/06/2005	Thái nguyên	Kinh	Nữ	
38	NGUYỄN THẾ PHƯƠNG	13/11/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
39	HÀ MINH QUANG	10/07/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
40	DƯƠNG TUYẾT QUYÊN	08/07/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nữ	
41	TRẦN TIẾN QUYỀN	13/05/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
42	KHUẤT NHƯ QUỲNH	10/04/2005	Thái Nguyên	Nùng	Nữ	
43	NGUYỄN THANH TÂM	26/05/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nữ	
44	ĐINH THỊ PHƯƠNG THẢO	12/10/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nữ	
45	TRƯƠNG THỊ HỒNG THẨM	02/09/2005	Thái Nguyên	Sán diu	Nữ	
46	NGÔ ĐỨC THẮNG	02/10/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
47	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	27/02/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
48	VŨ THỊ THU TRÀ	13/12/2005	Thái Nguyên	Kinh	Nữ	
49	ĐINH THỊ HUYỀN TRANG	09/07/2005	Bình Phước	Kinh	Nữ	
50	HOÀNG KIỀU TRANG	07/10/2005	Thái nguyên	Nùng	Nữ	
51	NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	18/07/2005	Thái Nguyên	Tày	Nam	
52	HOÀNG VĂN TUỆ	26/04/2005	Thái Nguyên	Nùng	Nam	

53	NGÔ NGỌC VINH	17/07/2004	Thái Nguyên	Kinh	Nam	
54	HÀ THỊ YẾN	30/05/2005	Bắc Kạn	Tây	Nữ	

Ấn định danh sách: 54 HS

TRƯỞNG PHÒNG CTHSSV

NGƯỜI LẬP



Ths. Trần Minh Trường



Nguyễn Phương Thảo

Số: 696 /TB-KT&ĐBCLGD

Thái Nguyên, ngày 08 tháng 10 năm 2020

THÔNG BÁO

V/v xây dựng ngân hàng đề thi/đáp án năm học 2020 – 2021

Căn cứ Quyết định số: 672/QĐ-CĐKTKT-TH ngày 30/09/2020 của Hiệu trưởng Trường CĐ Kinh tế - Kỹ thuật về việc giao chỉ tiêu kế hoạch cho các đơn vị của Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật;

Căn cứ kế hoạch công tác tháng 10/2020 của Nhà trường;

Căn cứ Quyết định số: 346/QĐ-CĐKTKT-KTĐBCLGD ngày 19/06/2020 của Hiệu trưởng Trường CĐ Kinh tế - Kỹ thuật ban hành Quy định về việc xây dựng, quản lý ngân hàng đề thi/đáp án kết thúc môn học/mô-đun;

Nhà trường yêu cầu các Khoa, Bộ môn xây dựng ngân hàng đề thi/đáp án của các môn học/mô-đun cho các khóa đào tạo tại trường, cụ thể như sau:

1. Yêu cầu

1.1. Yêu cầu chung

- Đề thi/đáp án phải đảm bảo tính chính xác, khoa học theo đúng Quy định.
- Đề thi được xây dựng tối đa trên 04 trang giấy khổ A4.
- Bộ đề thi/đáp án được để trong 01 túi đựng hồ sơ, ngoài bì có ghi rõ các thông tin liên quan, bao gồm: Khoa, bộ môn, tên môn học/mô-đun, số tín chỉ, số lượng đề thi/đáp án, hình thức thi, năm biên soạn.

1.2. Yêu cầu cụ thể đối với bộ đề thi/đáp án

* Số lượng đề thi/đáp án:

- Đối với các môn học tổ chức thi tự luận:
 - + Khối lượng kiến thức 1÷2 tín chỉ đề nghị xây dựng 15 đề thi/đáp án
 - + Khối lượng kiến thức 03 tín chỉ đề nghị xây dựng 20 đề thi/đáp án
 - + Khối lượng kiến thức ≥ 4 tín chỉ đề nghị xây dựng 25 đề thi/đáp án
- Đối với môn học tổ chức thi vấn đáp có:
 - + Khối lượng kiến thức từ 1÷2 tín chỉ đề nghị xây dựng 20 đề thi/đáp án
 - + Khối lượng kiến thức 3 tín chỉ đề nghị xây dựng 25 đề thi/đáp án
 - + Khối lượng kiến thức ≥ 4 tín chỉ đề nghị xây dựng 30 đề thi/đáp án.
- Đối với môn học tổ chức thi trắc nghiệm:
 - + Số lượng đề thi gốc: Mỗi môn học/mô-đun xây dựng ít nhất 05 đề thi/đáp án
 - + Số lượng câu hỏi/đề thi tối đa: Bằng số giờ của môn học/mô-đun
 - + Tỷ lệ câu hỏi trùng nhau giữa các đề thi không quá 20%.
- Đối với môn học tổ chức thi thực hành đề nghị xây dựng 5 đề thi/tín chỉ.

*** Thời gian thi:**

TT	Hình thức thi	01 TC	02 TC	≥ 03 TC
1	Tự luận	≤ 60 phút	60 phút $\rightarrow$ 90 phút	75 phút $\rightarrow$ 120 phút
2	Trắc nghiệm	≤ 45 phút	≤ 60 phút	≤ 90 phút
3	Trắc nghiệm kết hợp tự luận	≤ 60 phút	60 phút $\rightarrow$ 90 phút	75 phút $\rightarrow$ 120 phút
4	Thực hành	60 $\rightarrow$ 180 phút	60 $\rightarrow$ 180 phút	60 $\rightarrow$ 180 phút

*** Mẫu đề thi/đáp án** (Có mẫu đề thi/đáp án kèm theo).

Lưu ý:

- Đối với các đề thi thực hành thi trên máy tính sử dụng mẫu đề thi ĐTTH04 và mẫu đáp án ĐATH04

- Đối với các đề thi thực hành có tiêu hao vật tư và thi tại các xưởng thực hành sử dụng mẫu đề thi ĐTTH05.

2. Nhiệm vụ

- Phòng Khảo thí & ĐBCLGD: Soạn thảo Thông báo xây dựng ngân hàng đề thi/đáp án kỳ 01 năm học 2020 – 2021; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình triển khai kế hoạch xây dựng ngân hàng đề thi/đáp án của các Khoa chuyên môn theo đúng quy định và kế hoạch đề ra.

- Các Khoa xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ cho các Bộ môn thành lập hội đồng nghiệm thu ngân hàng đề thi/đáp án và biên soạn đề thi/đáp án theo đúng quy trình, đôn đốc CBGD hoàn thành công việc đúng thời hạn.

3. Thời gian thực hiện

- Các Khoa, Bộ môn lập danh sách các môn học/mô-đun cần xây dựng ngân hàng đề thi/đáp án năm học 2020 - 2021 gửi về Phòng KT&ĐBCLGD **chậm nhất vào ngày 20/10/2020** (Có biểu mẫu kèm theo).

- CBGD hoàn thành và nộp ngân hàng đề thi/đáp án của học kỳ I cho Phòng KT&ĐBCLGD **chậm nhất vào ngày 18/12/2020**.

- CBGD hoàn thành và nộp ngân hàng đề thi/đáp án của học kỳ II cho Phòng KT&ĐBCLGD **chậm nhất vào ngày 16/04/2021**.

4. Tính giờ biên soạn đề thi/đáp án

Mỗi 01 đề thi/đáp án tự luận được tính 01 GTC

Mỗi 01 đề thi/đáp án trắc nghiệm được tính 1,5 GTC

Mỗi 01 đề thi/đáp án vấn đáp được tính 0,25 GTC

Mỗi 01 đề thi/đáp án thực hành được tính 0,5 GTC

Nhận được Thông báo này đề nghị các Khoa, Bộ môn, CBGD nghiêm túc triển khai thực hiện. Nếu có phát sinh các Khoa, Bộ môn, CBGD thông báo kịp thời với Phòng KT&ĐBCLGD để báo cáo lãnh đạo Nhà trường xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (báo cáo);
- Khoa KHCB, Khoa CNTT,
- Khoa Điện, Khoa Cơ,
- Khoa Kinh tế & QTKD, Khoa Nông Lâm,
- Phòng Đào tạo QLKH&HTQT;
- Đăng tải trên Website Nhà trường;
- Lưu: VT, Phòng KT&ĐBCLGD.



TS. Ngô Xuân Hoàng

PHỤ LỤC MẪU ĐỀ THI

Mẫu ĐT01

TRƯỜNG CĐ KINH TẾ - KỸ THUẬT
KHOA ...
BỘ MÔN ...

HỆ ...

ĐỀ THI SỐ ...

Môn thi: ...

Thời gian: ... phút (*không kể thời gian chép đề*)

Hình thức thi: Tự luận

Câu 1 (... điểm): ...

Câu 2 (... điểm): ...

Câu 3 (... điểm): ...

Câu ... (... điểm): ...

Ghi chú: Ghi rõ HSSV được hay không được sử dụng tài liệu

Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm

Bộ môn duyệt
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giáo viên ra đề
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG CÔNG NGHỆ - KỸ THUẬT

HỆ ...

KHOA ...

BỘ MÔN ...

ĐÁP ÁN ĐỀ THI SỐ ...

Môn thi: ...

Thời gian: ... phút

Hình thức thi: Tự luận

Câu hỏi	Nội dung	Điểm
Câu 1 (... điểm)	1 (...điểm)	
	a.	...
	b.	...
	c.	...
	2 (...điểm)	
	a.	...
	b.	...
	c.	...
Câu 2 (... điểm)		
Câu 3 (... điểm)		
...		
Tổng điểm		...

Bộ môn duyệt
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giáo viên soạn đáp án
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG CĐ KINH TẾ - KỸ THUẬT

HỆ ...

KHOA ...

BỘ MÔN ...

ĐỀ THI SỐ ...

Môn thi: ...

Thời gian: ... phút

Hình thức thi: Vấn đáp

Câu 1 (... điểm): ...

Câu 2 (... điểm): ...

Câu ... (... điểm): ...

Ghi chú: Ghi rõ HSSV được hay không được sử dụng tài liệu

Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm

Bộ môn duyệt

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giáo viên ra đề

(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG CĐ KINH TẾ - KỸ THUẬT

HỆ ...

KHOA ...

BỘ MÔN ...

ĐÁP ÁN ĐỀ THI SỐ ...

Môn thi: ...

Thời gian: ... phút

Hình thức thi: Vấn đáp

Câu hỏi	Nội dung	Điểm
Câu 1 (... điểm)	1 (...điểm)	
	a.	...
	b.	...
	c.	...
	2 (...điểm)	
	a.	...
	b.	...
	c.	...
Câu 2 (... điểm)		
...		
Tổng điểm		...

Bộ môn duyệt
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giáo viên soạn đáp án
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG CĐ KINH TẾ - KỸ THUẬT

HỆ ...

KHOA ...

BỘ MÔN ...

ĐỀ THI SỐ ...

Môn thi: ...

Thời gian: ... phút

Hình thức thi: Trắc nghiệm

(Đề thi gồm ... trang)

Hãy lựa chọn đáp án đúng trong các câu sau: (mỗi câu đúng ... điểm)

Câu 1:

a.....

b.....

c.....

d.....

Câu 2:

a.....

b.....

c.....

d.....

Câu...:

a.....

b.....

c.....

d.....

Ghi chú: Ghi rõ HSSV được hay không được sử dụng tài liệu

Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm

Bộ môn duyệt

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giáo viên ra đề

(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG CÔNG NGHỆ - KỸ THUẬT

HỆ ...

KHOA ...

BỘ MÔN ...

ĐÁP ÁN ĐỀ THI SỐ ...

Môn thi: ...

Thời gian: ... phút

Hình thức thi: Trắc nghiệm

Câu hỏi	Đáp án (lựa chọn)				Ghi chú
	A	B	C	D	
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					

Câu hỏi	Đáp án (lựa chọn)				Ghi chú
	A	B	C	D	
...					

Bộ môn duyệt
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giáo viên soạn đáp án
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG CĐ KINH TẾ - KỸ THUẬT

HỆ ...

KHOA ...

BỘ MÔN ...

ĐỀ THI SỐ ...

Môn thi: ...

Thời gian: ... phút

Hình thức thi: Thực hành

Câu 1 (... điểm): ...

Câu 2 (... điểm): ...

Câu ... (... điểm): ...

Ghi chú: Ghi rõ HSSV được hay không được sử dụng tài liệu

Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm

Bộ môn duyệt
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giáo viên ra đề
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG CĐ KINH TẾ - KỸ THUẬT

HỆ ...

KHOA ...

BỘ MÔN ...

ĐÁP ÁN ĐỀ THI SỐ ...

Môn thi: ...

Thời gian: ... phút

Hình thức thi: Thực hành

Câu hỏi	Nội dung	Điểm
Câu 1 (... điểm)	1 (...điểm)	
	a.	...
	b.	...
	c.	...
	2 (...điểm)	
	a.	...
	b.	...
	c.	...
Câu 2 (... điểm)		
...		
Tổng điểm		...

Bộ môn duyệt
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giáo viên soạn đáp án
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT

HỆ ...

KHOA:
BỘ MÔN:

ĐỀ THI SỐ ...

Môn thi:

Thời gian thi:

Hình thức thi: Thực hành

Lớp:

I. ĐỀ BÀI

Câu 1:

Câu 2:

...

Câu n:

II. YÊU CẦU KỸ THUẬT

1.

2.

3.

4.

III. THỜI GIAN THỰC HIỆN: Tối đa ...h (không kể thời gian chuẩn bị)**IV. BIỂU ĐIỂM:** Điểm toàn bài là 10 điểm

Trong đó:

1. Điểm kỹ thuật (...điểm) phân bố như sau:

TT	Nội dung chấm điểm kỹ thuật	Điểm tối đa	Ghi chú
	Theo barem điểm cụ thể (kèm theo)		

2. Điểm thời gian: (...điểm)

-

-

-

-

3. Điểm thao tác: (...điểm)

-

-

-

4. Điểm an toàn: (...điểm)

-

-
-
5. Điểm tổ chức nơi làm việc: (...điểm)
-
-
-

* Chú ý: Điểm toàn bài là điểm tổng hợp của các điểm (1) + (2) + (3) + (4) + (5) nhưng trong đó điểm kỹ thuật phải ≥ 5 thì bài thi mới được xét.

V. MỘT SỐ QUY ĐỊNH

- Quy định về sản phẩm hỏng
- Quy định về vật liệu, kích thước phôi liệu...

Thái nguyên, ngày... tháng... năm...

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIÁO VIÊN RA ĐỀ

BẢNG BAREM ĐIỂM KỸ THUẬT
(Tổng điểm kỹ thuật: ...điểm)

TT	Nội dung chấm điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
1			
2			
3			
4			
...			

Sơ đồ, hình vẽ, bản vẽ kỹ thuật
(nếu có)

TRƯỜNG CĐ KINH TẾ - KỸ THUẬT
KHOA...

DANH SÁCH MÔN HỌC/MÔ-ĐUN XÂY DỰNG NGÂN HÀNG ĐỀ THI/ĐÁP ÁN

Năm học 2020 – 2021

STT	KỲ HỌC	MÔN HỌC/MÔ-ĐUN	HÌNH THỨC THI	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
	Kỳ I				
1					
2					
3					
...					
	Kỳ II				
1					
2					
3					
...					

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN